| **ES** | **Giá trị nội suy (P)** |
| --- | --- |
| < 1 | 48 |
| ≥ 1 | 32 |
| ≥ 3 | 20 |

- Ý nghĩa của các hệ số thành phần như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hệ số** | **Mô tả** |
| 1 | Có áp dụng quy trình phát triển theo mẫu RUP và có hiểu biết về RUP | Nhân viên phát triển có hiểu biết hoặc đã từng thực hiện công việc tại các tổ chức có áp dụng RUP hoặc các quy trình phát triển phần mềm tương đương hay không? |
| 2 | Có kinh nghiệm về ứng dụng tương tự | Người phát triển đã từng phát triển những ứng dụng cho các tổ chức mô hình nghiệp vụ tương tự, sử dụng công nghệ tương tự hay chưa? |
| 3 | Có kinh nghiệm về hướng đối tượng | Người phát triển có hiểu biết về công nghệ hướng đối tượng hay không? Hoặc có sử dụng thành thạo các công cụ phát triển hướng đối tượng hay không? |
| 4 | Có khả năng lãnh đạo nhóm | Người đứng đầu của nhóm phát triển có khả năng tổ chức, quản lý và triển khai nhiệm vụ trong nhóm phát triển tốt hay không? Người đứng đầu nhóm phát triển có kinh nghiệm lãnh đạo nhóm trong nhiều dự án hay chưa? |
| 5 | Tính chất năng động | Tốc độ giải quyết vấn đề từ lúc tiếp cận bài toán cần giải quyết là nhanh hay chậm? |
| 6 | Độ ổn định của các yêu cầu | Việc xác định yêu cầu phần mềm có thuận lợi hay không? Các yêu cầu là rõ ràng hay bất định? Có thường xuyên phải chỉnh sửa lại tài liệu đặc tả yêu cầu phần mềm hay không? |
| 7 | Sử dụng nhân viên làm bán thời gian | Nhóm phát triển có sử dụng nhân viên làm bán thời gian hoặc kiêm nhiệm hay không? |
| 8 | Dùng ngôn ngữ lập trình loại khó | Nhóm phát triển sử dụng công cụ phát triển đã quen thuộc hay hoàn toàn mới. Nhóm phát triển có cần phải tham gia các khóa học bổ sung để nâng cao kỹ năng sử dụng công cụ phát triển hay không? |